

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 343/2026/HS-ST

Ngày: 27/5/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

Thẩm phán: Ông Lê Công Huân

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Võ Thị Nam

2/ Bà Phan Ngọc Huệ

3/ Bà Trần Thị Anh Vũ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Di Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 423/TLST-HS ngày 08/4/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2751/2026/QĐXXST-HS ngày 28/4/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Minh H**; Sinh ngày 23 tháng 3 năm 1992; tại Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD: 0790920xxxxx; thường trú: 1 Tỉnh lộ 10, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: 1 Phạm Văn C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Minh Đ và bà Trần Thị M; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giam ngày 06/7/2024 (Có mặt).

+ **Bị hại:** Ông Khuru Nhựt M, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu phố H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

+ **Người bào chữa:**

Luật sư Huỳnh Vân Tuyết N, Văn phòng luật sư H, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trần Minh H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 3 năm 2021, ông Khuru Nhựt M và Trần Minh H thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn truyền thông H (Công ty H), tại địa chỉ Tầng 8, số 1 Cao T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, kinh doanh lĩnh vực tổ chức sự kiện, quảng cáo. Theo thỏa thuận, ông M là người đầu tư vốn, giữ chức Giám đốc, H giữ chức Phó Giám đốc, chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh, lợi nhuận chia đều. H nói Công ty mới thành lập chưa có uy tín nên cứ để H lấy tư cách cá nhân nhận hợp đồng với khách hàng, xuất hóa đơn của công ty khác, rồi tiền thu về H sẽ đưa lại cho ông M.

Từ tháng 8/2021, H nhiều lần yêu cầu ông M chuyển tiền để Công ty H thực hiện các hợp đồng kinh tế với Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (Công ty H ô tô Việt Nam), tại địa chỉ L, khu thương nghiệp N, Đường số 7, Khu chế xuất T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), Công ty Trách nhiệm hữu hạn C Việt Nam (Công ty C), tại địa chỉ Tầng 13, Tòa nhà I, số 2 Đê L, phường L, Thành phố Hà Nội và Công ty Trách nhiệm hữu hạn I Việt Nam (Công ty I), tại địa chỉ Lô 12, đường D, Khu Công nghệ cao, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

- **Lần 1:** từ ngày 03/8/2021 đến 13/8/2021, H yêu cầu ông M chuyển tiền để thực hiện hợp đồng dán Decal sản phẩm quảng cáo cho Công ty H ô tô Việt Nam. Sau khi được ông M chuyển tổng số tiền 1.080.000.000 đồng, H đã gửi hình ảnh 02 hóa đơn Giá trị gia tăng (GTGT) số 667 và 671 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ P (Công ty P) phát hành, nhưng H không đưa tiền về cho ông M.

- **Lần 2:** từ ngày 27/8/2021 đến 08/9/2021, H yêu cầu ông Minh chuyển tiền để thực hiện hợp đồng làm tờ rơi quảng cáo cho Công ty C. Sau khi được ông M chuyển tổng số tiền 920.000.000 đồng, H gửi cho ông M hình ảnh hóa đơn GTGT số 774 do Công P phát hành, nhưng H không đưa tiền về cho ông M.

- **Lần 3:** từ ngày 27/8/2021 đến 08/9/2021, H yêu cầu ông Minh chuyển tiền để thực hiện hợp đồng cung cấp cây giống và chỉ hệ sinh hoạt câu lạc bộ cho Công ty I. Sau khi được ông M chuyển tổng số tiền 976.000.000 đồng, H gửi cho ông M hình ảnh 02 hóa đơn GTGT số 3316 và 3312 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ P (Công ty P) phát hành, nhưng H không đưa tiền về cho ông M.

Tổng số tiền ông M đã chuyển cho H để thực hiện các hợp đồng trên là 2.976.000.000 đồng. Nhưng sau đó H đều không chuyển tiền về lại cho ông Minh và H đưa ra nhiều lý do để trốn tránh. Sau nhiều lần ông M đòi tiền thì H có viết giấy cam kết trả nợ nhưng sau đó không thực hiện.

Đến ngày 03/12/2021, ông Khuru Nhựt M có đơn tố cáo Trần Minh H về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Qua điều tra, xác minh xác định: các Công ty P, P không có thật và địa chỉ đăng ký kinh doanh của 02 công ty này cũng không có thật; Các hóa đơn GTGT từ số 3067 đến số 4000 của Công ty P đã có thông báo hủy vào ngày 11/5/2021; Công ty H ô tô Việt Nam không có hợp đồng với Công ty P; Công ty I có hợp đồng với Công ty P.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Minh H khai nhận toàn bộ số tiền nhận được từ ông Khuru Nhựt M, Trần Minh H không thực hiện bất kỳ hợp đồng nào như trên mà chiếm đoạt để sử dụng vào mục đích cá nhân đầu tư tiền ảo, ngoại hối và bị lừa đảo hết. Đối với các hình ảnh hóa đơn GTGT được H liên hệ qua facebook đối tượng tên N(chưa rõ lai lịch) để mua các hóa đơn GTGT, sau đó N gửi hình ảnh cho H và H gửi tiếp cho ông M nhằm để ông M tin tưởng và tiếp tục chuyển tiền.

*** Về trách nhiệm dân sự:** ông Khuru Nhựt M yêu cầu Trần Minh H trả lại số tiền 2.976.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

Tại bản Cáo trạng số 514/CT-VKS-P2 ngày 12/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Bị cáo Trần Minh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Sau khi kiểm tra, đánh giá toàn bộ lời khai của bị cáo cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Minh H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Minh H từ 14 đến 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại.

Luật sư Huỳnh Văn Tuyết N bào chữa cho bị cáo Trần Minh H trình bày: Thống nhất về tội danh và điều khoản truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo một phần do bị hại quá tin tưởng vào những thông tin bị cáo đưa, không có sự kiểm tra, kiểm chứng lại mà chuyển tiền cho bị cáo dẫn đến việc bị cáo chiếm đoạt tiền. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự nên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thống nhất với bào chữa của Luật sư, không tranh luận bổ sung.

Bị hại tranh luận: Hành vi của bị cáo hết sức tinh vi, vì tin vào các hóa đơn, phiếu giao hàng bị cáo gửi nên bị hại mới chuyển tiền cho bị cáo. Bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.976.000.000 đồng một lần.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo rất ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh H thừa nhận hành vi phạm tội. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại Khuru Nhựt M phù hợp với vật chứng thu giữ, kết quả phục hồi dữ liệu điện thoại của bị cáo và các dữ liệu tin nhắn do bị hại cung cấp, kết quả sao kê tài khoản ngân hàng đã có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 03/8/2021 đến ngày 08/9/2021, do muốn có tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân, bị cáo Trần Minh H là Phó Giám đốc Công ty H đã đưa ra thông tin gian dối về việc thực hiện các hợp đồng với Công ty H ô tô Việt Nam, Công ty I và Công ty C và H đã gửi hình ảnh các hóa đơn GTGT không có thật để ông Minh không nghi ngờ, yêu cầu ông Khuru Nhựt M, Giám đốc Công ty H chuyển nhiều lần tiền với tổng số tiền 2.976.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền nhận được, H không thực hiện bất kỳ hợp đồng nào mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

Hành vi của bị cáo Trần Minh H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “...*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của Trần Minh H là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự nên xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Quá trình điều tra xác định: các Công ty P, P không có thật và địa chỉ đăng ký kinh doanh của 02 công ty này cũng không có thật; Các hóa đơn GTGT từ số 3067 đến số 4000 của Công ty P đã có thông báo hủy vào ngày 11/5/2021; Công ty H ô tô Việt Nam không có hợp đồng với Công ty P; Công ty I có hợp đồng với Công ty P. Đối với các hình ảnh hóa đơn GTGT được H liên hệ qua Facebook đối tượng tên N (chưa rõ lai lịch) để mua. Do các hóa đơn này chỉ thu thập được ảnh chụp, không thu thập được bản gốc nên không có căn cứ để xử lý đối với hành vi này của bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận, buộc bị cáo Trần Minh H bồi thường cho ông Khuru Nhựt M số tiền 2.976.000.000 (hai tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu) đồng.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Minh H 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2024.

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo Trần Minh H bồi thường cho ông Khuru Nhựt M số tiền 2.976.000.000 (hai tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 91.520.000 đồng (chín mươi một triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- VKSND TP HCM; (3)
- THADS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Luật sư; (1)
- THAHS; (1)
- PV06 - CA TP HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (24) (6)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên